

Số: /2017/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Dự thảo ngày 12.4.2017

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định về thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập bao gồm:

- a) Lập, phê duyệt phương án thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế;
- b) Nguồn kinh phí chi trả thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế
- c) Thẩm quyền quyết định thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế;
- d) Đấu thầu, ký kết hợp đồng thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập trên toàn quốc bao gồm cả các cơ sở thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng thực hiện thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế (sau đây gọi tắt là đơn vị thuê dịch vụ), các cơ quan nhà nước có liên quan đến thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế;

b) Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp dịch vụ xử lý nước thải y tế (sau đây gọi tắt là đơn vị cung cấp dịch vụ).

Điều 2. Nguyên tắc thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế

Việc thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

1. Bảo đảm nước thải đầu ra sau xử lý đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.
2. Không sử dụng công nghệ không được pháp luật Việt Nam cho phép. Khuyến khích sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường.
3. Đơn vị cung cấp dịch vụ được hưởng các chính sách ưu đãi về đầu tư theo quy định tại Nghị định 15/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Lập phương án thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế

1. Đơn vị thuê dịch vụ lập hoặc thuê tư vấn lập phương án thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế.
2. Nội dung phương án thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế bao gồm:
 - a) Mô tả hiện trạng, sự cần thiết thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế;
 - b) Phạm vi, quy mô thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế theo quy định tại Điều 4 của Quyết định này;
 - c) Thời gian thực hiện thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế theo quy định tại Điều 5 của Quyết định này;
 - d) Yêu cầu chất lượng nước thải đầu ra;
 - đ) Cách thức, điều kiện, địa điểm cung cấp dịch vụ;
 - e) Yêu cầu về năng lực chuyên môn, năng lực tài chính, điều kiện kỹ thuật, công nghệ, kinh nghiệm và các yêu cầu khác đối với Đơn vị cung cấp dịch vụ;
 - g) Chuyển giao tài sản hình thành trong quá trình thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế theo quy định tại Điều 6 của Quyết định này;
 - h) Nguồn kinh phí chi trả thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế theo quy định tại Điều 7 của Quyết định này.

Điều 4. Phạm vi, quy mô thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế

Đơn vị thuê dịch vụ xác định phạm vi, quy mô thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế thuộc một trong ba nhóm dưới đây:

1. Nhóm 1: Đơn vị có hệ thống xử lý nước thải y tế bảo đảm xử lý nước thải y tế đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường, thực hiện thuê quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải y tế.
2. Nhóm 2: Đơn vị có hệ thống xử lý nước thải y tế nhưng đã xuống cấp hoặc quá tải, thực hiện thuê cải tạo, nâng cấp và quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải y tế.
3. Nhóm 3: Đơn vị chưa có hệ thống xử lý nước thải y tế, thực hiện thuê hệ thống xử lý nước thải và quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải y tế.

Điều 5. Thời gian thực hiện thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế

1. Thời gian thuê quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải y tế tối thiểu là 03 (ba) năm.
2. Thời gian thuê cải tạo, nâng cấp và quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải y tế tối thiểu là 10 (mười) năm.
3. Thời gian thuê hệ thống xử lý nước thải và quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải y tế tối thiểu là 15 (mười lăm) năm.

Điều 6. Chuyển giao tài sản

1. Đơn vị thuê dịch vụ tổ chức giám định chất lượng, giá trị, tình trạng hệ thống xử lý nước thải y tế và lập danh mục tài sản chuyển giao khi kết thúc hợp đồng thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế.
2. Đơn vị cung cấp dịch vụ phải bảo đảm tài sản chuyển giao không được sử dụng để bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc nghĩa vụ khác của đơn vị cung cấp dịch vụ trước thời điểm chuyển giao.
3. Đơn vị cung cấp dịch vụ có trách nhiệm chuyển giao công nghệ, đào tạo vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải y tế cho đơn vị thuê dịch vụ.
4. Sau khi bàn giao, đơn vị thuê dịch vụ tổ chức quản lý vận hành công trình hoặc thuê quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải y tế.

Điều 7. Nguồn kinh phí chi trả thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế

1. Kinh phí chi trả thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế do đơn vị thuê dịch vụ chi trả và được hạch toán vào giá dịch vụ khám, chữa bệnh hoặc từ nguồn ngân sách nhà nước cấp theo quy định sau:
 - a) Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: sử dụng nguồn thu để chi trả chi phí thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế;
 - b) Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: sử dụng nguồn thu và ngân sách giao tự chủ để chi trả chi phí thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế;
 - c) Đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: sử dụng ngân sách nhà nước giao tự chủ để chi trả chi phí thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế.

2. Giá thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế

- a) Đơn giá thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế được tính trên cơ sở toàn bộ các chi phí hợp lý và hợp lệ để xử lý một mét khối (01 m³) nước thải y tế đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trong một ngày đêm (24 giờ) và được tính theo nguyên tắc bảo đảm lợi ích giữa bên cung cấp dịch vụ, bên thuê dịch vụ và Nhà nước, tạo điều kiện để bên cung cấp dịch vụ thu hồi vốn và lợi nhuận;
- b) Đơn vị thuê dịch vụ xây dựng đơn giá thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế quy định tại Khoản 1 Điều 4 của Quyết định này;
- c) Giao Bộ Y tế xây dựng đơn giá định mức thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 4 của Quyết định này;

3. Nội dung dự toán kinh phí thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế

a) Chi phí thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế bao gồm các chi phí đầu tư hệ thống xử lý nước thải y tế, chi phí vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, khấu hao công trình xử lý nước thải y tế và các chi phí liên quan khác;

b) Chi phí tư vấn bao gồm: Tư vấn lập phương án thuê dịch vụ; tư vấn đấu thầu (nếu có); tư vấn giám sát thực hiện và các chi phí tư vấn khác (nếu có);

c) Chi phí thẩm định giá (nếu có);

d) Chi phí khác chưa quy định tại các Điểm a, b, c Khoản này;

đ) Chi phí dự phòng.

4. Điều chỉnh giá thuê

a) Có thay đổi về yêu cầu chất lượng nước thải y tế đầu ra, khối lượng nước thải y tế cần xử lý;

b) Trượt giá dịch vụ;

c) Xuất hiện các yếu tố bất khả kháng: thiên tai, thảm họa, khủng bố, phá hoại, chiến tranh hoặc các sự kiện bất khả kháng khác và có tác động trực tiếp đến việc cung cấp dịch vụ.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế

1. Bộ trưởng các Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố phê duyệt phương án thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế đối với các đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Thủ trưởng đơn vị tự quyết định phương án thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế đối với đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

Điều 9. Đấu thầu, ký kết hợp đồng thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế

1. Đơn vị thuê dịch vụ thực hiện lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ xử lý nước thải y tế theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định của pháp luật khác liên quan.

2. Thời gian thực hiện hợp đồng thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Quyết định này.

Điều 10. Kiểm tra, giám sát hoạt động thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế

1. Bộ trưởng các Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tổ chức kiểm tra hoạt động thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế tại các bệnh viện thuộc thẩm quyền quản lý theo phương án thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế đã phê duyệt.

2. Thủ trưởng đơn vị thuê dịch vụ tổ chức giám sát, kiểm tra việc cung cấp dịch vụ xử lý nước thải y tế theo hợp đồng đã ký.

Điều 11. Trách nhiệm của các Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, các đơn vị thuê dịch vụ

1. Bộ Y tế có trách nhiệm:

a) Xây dựng đơn giá định mức thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế trong các bệnh viện công lập;

b) Phê duyệt phương án và bố trí kinh phí thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế đối với các đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc thẩm quyền quản lý;

c) Tổng hợp kinh phí thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế tại các bệnh viện công lập thuộc thẩm quyền quản lý trong dự toán ngân sách chi hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

d) Thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm trong quá trình thực hiện thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế tại các bệnh viện thuộc thẩm quyền quản lý;

e) Chỉ đạo Sở Y tế tỉnh, thành phố; y tế các Bộ, ngành; các bệnh viện công lập trực thuộc Bộ Y tế triển khai thực hiện thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế. Định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả hoạt động thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì tổng hợp kinh phí thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế của các bộ, ngành, địa phương trong dự kiến chi ngân sách nhà nước hàng năm, báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định để giao các Bộ, địa phương thực hiện;

b) Chủ trì hướng dẫn các cơ quan tài chính địa phương bố trí kinh phí để thực hiện thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, các Bộ, ngành liên quan có trách nhiệm:

a) Phê duyệt phương án và bố trí kinh phí thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế đối với các đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc thẩm quyền quản lý;

b) Tổng hợp kinh phí thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế tại các bệnh viện công lập thuộc thẩm quyền quản lý trong dự toán ngân sách chi hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

c) Thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm trong quá trình thực hiện thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế tại các bệnh viện thuộc thẩm quyền quản lý;

d) Hàng năm báo cáo kết quả thực hiện hoạt động thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế về Bộ Y tế.

4. Đơn vị thuê dịch vụ có trách nhiệm

a) Tổ chức lập, phê duyệt hoặc trình phê duyệt phương án thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế theo quy định tại Điều 8 của Quyết định này;

b) Bố trí kinh phí của đơn vị để chi trả chi phí thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế đối với đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư;

c) Xây dựng dự toán kinh phí thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế, tổng hợp và thuyết minh trong dự toán ngân sách hàng năm trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

d) Tổ chức lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ, ký kết hợp đồng, quản lý, giám sát thực hiện hợp đồng, chịu trách nhiệm về kết quả xử lý nước thải y tế của đơn vị và thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định;

đ) Hàng năm báo cáo kết quả thực hiện hoạt động thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế về cơ quan quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan đến hoạt động thuê dịch vụ xử lý nước thải y tế có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề phát sinh cần xử lý khác với các quy định của pháp luật hiện hành, Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, Các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (3b).

THỦ TƯỚNG